

Số: 57/QĐ-SNV

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp kinh phí cho Sở Nội vụ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách năm 2022 của cơ quan Văn phòng Sở Nội vụ (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc (b/c);
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, KT, VP.



Bùi Quang Dương

Đơn vị: Sở Nội vụ
Chương: 435

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 57/QĐ-SNV ngày 24/10/2022 của Sở Nội vụ)

DVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	300.000
1	Chi quản lý hành chính (341)	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300.000
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (loại 070 khoản 085)	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế (332)	
6.1	Kinh phí vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi chương trình mục tiêu	